

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

Bản án số: 13/2023/HSST

Ngày: 10/02/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Vũ Thu Giang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thoa - Thư ký TAND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- **Đại diện VKSND huyện Văn Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 10/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2023/TLST - HS ngày 27 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn số: 06/2023/QĐXXST-HS ngày 03/02/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn H; Tên gọi khác: Không; sinh năm: 1955; Đăng ký HKTT: Thôn D, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị V1; Có vợ: Lê Thị P và 05 con, con lớn nhất sinh năm 1976, con nhỏ nhất sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2023 đến ngày 06/01/2023 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trịnh Ngọc D; Tên gọi khác: Không; sinh năm: 1975; Đăng ký HKTT: Thôn F, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Ngọc D1 và bà Nguyễn Thị H1; Có vợ: Lê Thị H2 và 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2002; Tiền án: Ngày 14/10/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Giang xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng về tội Đánh bạc; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2023 đến ngày 06/01/2023 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Hưng Yên. Theo lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lê Văn Q; Tên gọi khác: Không; sinh năm: 1985; Đăng ký HKTT: Thôn H, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn P1 và bà Đàm Thị D2; Có vợ: Đàm Thị Đ và

02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2023 đến ngày 06/01/2023 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Nguyễn Tiến D3; Tên gọi khác: Không; sinh năm: 1973; Đăng ký HKTT: Thôn D, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn V2 và bà Nguyễn Thị N; Có vợ: Lê Thị L và 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2023 đến ngày 06/01/2023 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Nguyễn Văn H3; Tên gọi khác: Không; sinh năm: 1981; Đăng ký HKTT: Thôn C, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H4 và bà Nguyễn Thị Ú; Vợ, con: không có; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Nhân thân: Ngày 08 tháng 7 năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Ngày 08 tháng 02 năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xử phạt 04 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2023 đến ngày 06/01/2023 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Theo lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

*** Người chứng kiến:**

Ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn D, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 03/01/2023, tại nhà Nguyễn Văn H, sinh năm 1955, ở Thôn D, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên, có: Trịnh Ngọc D, sinh năm 1975, trú tại Thôn F, xã X; Lê Văn Q, sinh năm 1985, trú tại Thôn H, xã X; Nguyễn Tiến D3, sinh năm 1973, trú tại Thôn D, xã X và Nguyễn Văn H3, sinh năm 1981, trú tại Thôn C, xã X cùng ngồi chơi, uống nước. Trong lúc ngồi uống nước, H bảo “Anh em ngồi chơi tý” tức là rủ D, D3, H3, Q đánh bạc, tất cả đều đồng ý. Q lấy chiếc chiếu cói trải xuống nền phòng khách để ngồi đánh bạc, H lấy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân để xuống chiếu dùng để đánh bạc. Các đối tượng ngồi xuống chiếu đánh bạc theo thứ tự từ trái qua phải là D, H3, Q, D3. Tất cả cùng thống nhất đánh bạc bằng hình thức chơi tá lá được thua bằng tiền, cách thức chơi và tính thắng thua như sau: Khi bắt đầu ván bạc, 1 trong 4 người chơi dùng bộ tú lơ khơ chia đều cho mỗi người chơi 9 quân bài, người chia bài được 10 quân, số quân bài còn lại gọi là nọc được để ở giữa chiếu bạc. Người chia bài được đánh đầu tiên và đánh đi 01 quân bài “rác” cho người ngồi kế tiếp bên phải, nếu người này “ăn” được

quân bài của người vừa đánh để tạo thành phỏm (có 3 hoặc 4 quân bài cùng hàng hoặc có từ 3 quân bài cùng chất có số thứ tự liền kề nhau), thì sẽ đánh đi 01 quân bài “rác” cho người ngồi kế tiếp bên phải; nếu không “ăn” thì bốc 01 quân bài nọc và đánh đi 01 quân bài “rác”. Cứ lần lượt như vậy cho đến khi bài nọc hết hoặc có người ù (tức là tất cả các quân bài trên tay đều ghép thành các phỏm); người có bài ù sẽ được mỗi người chơi trả 100.000 đồng. Nếu không có ai ù thì cả 4 người chơi hạ phỏm xuống chiếu, các quân bài còn lại không tạo thành phỏm sẽ cộng điểm lại để tính thắng thua (quân bài A = 1 điểm, J = 11 điểm, Q = 12 điểm, K = 13 điểm), ai có số điểm thấp nhất sẽ thắng, những người thua phải trả tiền cho người thắng lần lượt là 20.000 đồng, 40.000 đồng và 60.000 đồng theo thứ tự số điểm lớn dần; nếu ai không có phỏm là bị “cháy” và phải trả cho người thắng 80.000 đồng. Nếu ai thắng ở ván trước thì sẽ chia bài và được đánh trước ở ván sau. Khi đánh bạc, D có 4.000.000 đồng, H3 có 800.000 đồng, Q có 4.000.000 đồng, D3 có 2.000.000 đồng, đều sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình D, H3, Q, D3 đánh bạc thì H không chơi mà ngồi xem, quá trình đánh bạc nếu có ai ù sẽ trích ra cho H 20.000đ tiền hồ. Các đối tượng đánh bạc đến 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra Công an huyện V bắt quả tang, thu giữ dưới chiếu tại vị trí ngồi của D 1.000.000 đồng, của D3 3.100.000 đồng, của Q 3.000.000 đồng, của Hanh 500.000 đồng; thu bên phải chỗ ngồi của H3 200.000 đồng (trong đó có 100.000 đồng tiền hồ và 100.000 đồng H3 bỏ ra để nhờ H mua đồ ăn); 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân, mặt sau hoa văn màu đỏ; 01 chiếc chiếu cói; thu trên người của D 3.000.000 đồng. Ngoài ra còn quản lý của D 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo màu trắng – đen, 01 chiếc ví màu nâu; của Q 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12, 01 chiếc ví màu nâu; của Hanh 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone X màu đen và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen; của D3 01 chiếc ví màu nâu. Các đối tượng đều không sử dụng điện thoại vào mục đích đánh bạc.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 10/QĐ-VKS-VG ngày 26/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên đã truy tố Nguyễn Văn H, Trịnh Ngọc D, Lê Văn Q, Nguyễn Tiến D3 và Nguyễn Văn H3 về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu tại Quyết định truy tố, không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo D, Q, D3, H3 đều xin lại điện thoại và ví vì không liên quan đến hành vi phạm tội. Bị cáo H xin được miễn nộp án phí vì là người cao tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tham gia phiên tòa có quan điểm xác định sự vắng mặt của người chứng kiến tại phiên tòa không ảnh hưởng tới việc xét xử các bị cáo đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ chứng minh tội phạm, phân tích tính nguy hiểm của tội phạm do các bị cáo gây ra, hậu quả của hành vi đối với xã hội, các tình tiết

tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Trịnh Ngọc D, Lê Văn Q, Nguyễn Tiến D3 và Nguyễn Văn H3 về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 58; Khoản 1, 2, 5 điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

- Khoản 1 điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; Điều 58; Khoản 5 điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trịnh Ngọc D.

- Khoản 1 điều 321; Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn Q và bị cáo Nguyễn Tiến D3.

-Khoản 1 điều 321; Điều 17; Khoản 1, 2, 5 điều 65; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự. Điều 125; khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H3.

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn H 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm đến 02 năm 06 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/02/2023.

Bị cáo Trịnh Ngọc D từ 08 tháng đến 11 tháng tù, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù tại bản án số 29/2021/HSST ngày 14/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Giang trừ thời gian 09 ngày tạm giữ, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt từ 01 năm 4 tháng 21 ngày đến 01 năm 07 tháng 21 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/01/2023.

Bị cáo Nguyễn Văn H3 từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 02 tháng đến 01 năm 06 tháng tính thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/02/2023. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác,

Giao các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H3 cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 32 đến 35 triệu đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D3 từ 30 đến 32 triệu đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp và vật chứng: Áp dụng Điểm a, b khoản 1 điều 46; điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a,c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ, 01 chiếc màu nâu loại chiếu đôi.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H3 01 chiếc điện thoại Iphone X màu đen đã cũ và 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen đã cũ.

- Trả lại bị cáo Lê Văn Q 01 chiếc điện thoại Iphone 12 màu đen đã cũ, 01 ví da màu nâu đã cũ.

- Trả lại bị cáo Trịnh Ngọc D 01 điện thoại Oppo màu trắng đã cũ 01 ví da màu nâu đã cũ.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Tiến D3 01 ví da màu nâu đã cũ.

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 10.800.000đ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng)

Về án phí: Các bị cáo D, Q, D3, H3 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, miễn án phí cho bị cáo H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 03/01/2023, tại nhà Nguyễn Văn H, sinh năm 1955, ở Thôn D, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên, Nguyễn Văn H đã rủ và chuẩn bị bộ tú lơ khơ cho Trịnh Ngọc D, Lê Văn Q, Nguyễn Tiến D3 và Nguyễn Văn H3 chơi tá lả được thua bằng tiền, H ngồi xem và nhận tiền hò. Bị cáo D, Q, D3 và H3 chơi đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì lực lượng cảnh sát điều tra Công an huyện V bắt quả tang thu giữ số tiền đánh bạc là 10.800.000 đồng và các vật chứng khác.

Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đều nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi mà vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội đánh bạc theo khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, an toàn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa

phương. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế của bản thân và gia đình, là nguyên nhân gây ra mâu thuẫn gia đình và phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật khác. Vì vậy cần xét xử nghiêm minh, xử mỗi bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, vị trí, vai trò của các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng với tính chất giản đơn. Các bị cáo tham gia đánh bạc mang tính tự phát, không có sự bàn bạc thống nhất từ trước, không có tổ chức, không phân công người canh gác, canh giới. Bị cáo H là người khởi xướng, dùng chỗ ở của mình và chuẩn bị bộ bài cho các bị cáo đánh bạc. Tuy H không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng là người khởi xướng tạo điều kiện về địa điểm cho các bị cáo khác đánh bạc và nhận tiền hồ nên H giữ vai trò đầu vụ. Các bị cáo D, Q, D3, H3 do được bị cáo H rủ đã đồng ý và trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc nên là những người thực hành trực tiếp, tích cực từ đầu đến cuối. Trong đó, bị cáo Q có hành vi trái chiều để các bị cáo cùng ngồi đánh bạc. Số tiền mà bị cáo Q và D sử dụng để đánh bạc bằng nhau và là lớn nhất nên bị cáo Q giữ vai trò thứ hai, bị cáo D giữ vai trò thứ 3; số tiền bị cáo D3 sử dụng để đánh bạc ít hơn bị cáo Q và D nhưng nhiều hơn bị cáo H3 nên D3 giữ vai trò thứ 4, còn H3 có vai trò thứ 5 trong vụ án.

[3]. Về nhân thân các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

-Về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo H, Q và D3 đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo H3 có nhân thân xấu, Ngày 08 tháng 7 năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Ngày 08 tháng 02 năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xử phạt 04 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đến lần phạm tội này bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích nên không phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm.

Bị cáo D là người có nhân thân xấu, ngày 14 tháng 10 năm 2021 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Giang xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng về tội Đánh bạc. Bị cáo phạm tội lần này khi chưa chấp hành xong hình phạt, vẫn còn trong thời gian thử thách của án treo nên bị cáo D phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

-Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được xác nhận của chính nơi các bị cáo thường trú, bị cáo D có bố là thương binh nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Văn Q và Nguyễn Tiến D3 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân của các bị cáo, HĐXX xét thấy:

Bị cáo Trịnh Ngọc D là những người có nhân thân xấu, có tiền án. Bị cáo D phạm tội mới trong thời gian thử thách của án treo về tội đánh bạc; bị cáo không lấy đó làm bài học, tự cải tạo để trở thành công dân tốt mà vẫn bất chấp pháp luật, tiếp tục phạm tội; Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo D ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn H lần đầu phạm tội, đã ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo Nguyễn Văn H 3 lần bị kết án nhưng đã được xóa án tích, từ khi chấp hành án xong nhiều năm bị cáo không vi phạm pháp luật, phạm tội lần này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là đồng phạm có vai trò không đáng kể đã ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Không thuộc những trường hợp không cho hưởng án treo nên việc bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù tại trại giam là không cần thiết, mà cho các bị cáo một cơ hội để sửa chữa lỗi lầm miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 65 Bộ luật hình sự, cho các bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền nơi bị cáo cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

Bị cáo Lê Văn Q và Nguyễn Tiến D3 đều đã ăn năn, hối cải, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo có việc làm, thu nhập nên sẽ áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo, đồng thời thể hiện được tính chất khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Bị cáo D phạm tội trong thời gian thử thách nên sẽ áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của lần phạm tội này.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo H, D, H3 đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Các bị cáo Q, D3 có công việc và thu nhập nhưng đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, các bị cáo vẫn phải nuôi dưỡng con chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo

[4]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, mặt sau màu đỏ, mặt trước in hình quân bài đã qua sử dụng và 01 chiếc chiếu cói màu nâu, loại chiếu đôi đã cũ thu giữ thu giữ của bị cáo H là những công cụ các bị cáo dùng để đánh bạc nên sẽ tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại Iphone X màu đen đã cũ và 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen đã cũ thu giữ của bị cáo H3; 01 chiếc điện thoại Iphone 12 màu đen đã cũ thu giữ của bị cáo Q; 01 điện thoại Oppo màu trắng đã cũ thu giữ của bị cáo

D. Các bị cáo này đều không sử dụng điện thoại vào việc đánh bạc nên sẽ trả lại cho các bị cáo.

- 03 chiếc ví màu nâu đã cũ thu giữ của bị cáo Q, D và D3 không liên quan đến hành vi phạm tội, các bị cáo đều đề nghị nhận lại nên sẽ trả lại cho các bị cáo.

- Số tiền 10.800.000 đồng thu giữ của các bị cáo đánh bạc, đây là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên sẽ tịch thu sung vào Ngân sách Nhà Nước.

[5]. Về án phí: Các bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo H là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho bị cáo H theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 58; Khoản 1, 2, 5 điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

- Khoản 1 điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; Điều 58; Khoản 5 điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trịnh Ngọc D.

- Khoản 1 điều 321; Điều 17; khoản 1, 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn Q và bị cáo Nguyễn Tiến D3.

-Khoản 1 điều 321; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 58 Khoản 1, 2, 5 điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 125; khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H3.

- Điểm a khoản 1 điều 46; điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự;

- Khoản 1, điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 299; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Văn Q, Trịnh Ngọc D, Nguyễn Tiến D3 và Nguyễn Văn H3 phạm tội “Đánh bạc”.

3. Mức hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc D 8 (tám) tháng tù về tội đánh bạc. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 09 (chín) tháng tù về tội Đánh bạc tại bản án số 29/2021/HSST ngày 14/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Giang trừ thời gian 09 (chín) ngày tạm giữ. Tổng hợp hình phạt bị cáo D phải chấp hành là 01(một) năm 04 (bốn) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/01/2023.

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/02/2023.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H3 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/02/2023. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác,

Giao các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H3 cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D3 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo

5. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ, 01 chiếc màu nâu loại chiếu đôi.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H3 01 chiếc điện thoại Iphone X màu đen đã cũ và 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen đã cũ.

- Trả lại bị cáo Lê Văn Q 01 chiếc điện thoại Iphone 12 màu đen đã cũ, 01 chiếc ví da màu nâu đã cũ.

- Trả lại bị cáo Trịnh Ngọc D 01 điện thoại Oppo màu trắng đã cũ, 01 chiếc ví da màu nâu đã cũ.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Tiến D3 01 chiếc ví da màu nâu đã cũ

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 10.800.000đ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng)

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/02/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang; giấy ủy nhiệm chi ngày 06/02/2023 tại Kho bạc nhà nước huyện V)

6. Về án phí: Buộc các Lê Văn Q, Trịnh Ngọc D, Nguyễn Tiến D3 và Nguyễn Văn H3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn H

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Văn Q, Trịnh Ngọc D, Nguyễn Tiến D3 và Nguyễn Văn H3 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CA huyện Văn Giang;
- VKS huyện Văn Giang;
- Chi cục THADS huyện Văn Giang;
- UBND xã Xuân Quan, huyện Văn Giang;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BÙI VŨ THU GIANG